

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157 /2024/HS-ST

Ngày: 30 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ - Giáo viên về hưu.

2. Ông Nguyễn Văn Sỹ - Cán bộ về hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Thao - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhất và ông Võ Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2024/HSST-QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Văn B**, giới tính: Nam, sinh ngày 01/01/2007 tại huyện T, tỉnh B; (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 năm 09 tháng 01 ngày tuổi); Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: (Không rõ); Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1984; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

2. Họ và tên: **Trần Hữu Anh K**, giới tính: Nam, sinh ngày 26/7/2008 tại huyện T, tỉnh B; (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 năm 02 tháng 06 ngày tuổi); Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Hữu H, sinh năm 1980 và bà: Bùi Thị T, sinh năm 1987; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/5/2023, bị Công an huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/01/2024 cho đến nay. “Có mặt”.

3. Họ và tên: **Đoàn Phương Đ**, giới tính: Nam, sinh ngày 21/5/2008 tại huyện T, tỉnh B; (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 năm 04 tháng 11 ngày tuổi); Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đoàn Văn P, sinh năm 1987 và bà: Phan Thị Y, sinh năm 1986; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/5/2023, bị Công an huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/01/2024 cho đến nay. “Có mặt”.

- *Người bào chữa:*

1. Ông Nguyễn Ánh Q - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn B, do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B cử.

2. Bà Lê Tôn Nữ Kim Y - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B bào chữa cho bị cáo Trần Hữu Anh K, do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B cử.

3. Ông Nguyễn Ngọc Quốc L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B bào chữa cho bị cáo Đoàn Phương Đ, do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B cử.

- *Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị cáo:*

1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1984 là mẹ của bị cáo Đỗ Văn B. Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh B. Hiện nay không rõ sinh sống ở đâu. “Vắng mặt”

2. Ông Trần Hữu H, sinh năm 1980 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1987 là cha, mẹ của bị cáo Trần Hữu Anh K. Cùng trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh B. “ông H vắng mặt, bà T có mặt”

3. Ông Đoàn Văn P, sinh năm 1987 và bà Phan Thị Y, sinh năm 1986 là cha, mẹ của bị cáo Đoàn Phương Đ. Cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B. “Có mặt”;

- *Bị hại:*

Em Trần Đức T, sinh ngày 07/8/2007. Nơi thường trú: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: 12 Cần V, phường N, thành phố Q, tỉnh B. “Vắng mặt”

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của em T: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm (không rõ) là cha, mẹ của em T. Nơi cư trú: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh B. “Vắng mặt”.

- *Người làm chứng*: Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị H. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc Trần Hữu Anh K nghi ngờ Trần Đức T lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 64GB của K nên chiều ngày 30/9/2023, trong lúc K ngồi uống cà phê tại quán E-Coffee (Địa chỉ: 08 Cầm V, TP. Q) cùng với Đỗ Văn B và Đoàn Phương Đ, K đã kể lại sự việc này cho B và Đ cùng nghe. Nghe vậy, B rủ K đi đánh T để lấy chiếc điện của T cho K sử dụng, K không đồng ý. Đến khoảng 23 giờ ngày 01/10/2023, khi đang ở tại phòng trọ số 05, địa chỉ: 12 Cầm V, TP. Q, B nghe K và Đ bàn nhau sẽ trả phòng trọ để về quê nên B rủ K và Đ đi đánh T cho hả giận và chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của T, K và Đ đồng ý. Sau đó, cả nhóm bàn bạc với nhau B sẽ đi qua phòng trọ của T trước để dụ T ra khỏi phòng rồi sẽ gọi cho K và Đ đến đánh và chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của T như đã bàn trước đó. Đến khoảng 15 giờ ngày 02/10/2023, sau khi dọn đồ xong B sang phòng trọ của T ở gặp và giả vờ xin thuốc lá của T, khi T đi ra cửa phòng để đưa thuốc lá cho B thì B đã gọi điện thoại cho K và Đ đến. Tại đây, cả ba người nói T là người đã lấy trộm chiếc điện thoại di động của K và yêu cầu T trả lại. Tuy nhiên, T không thừa nhận việc này nên B dùng tay ra hiệu cho K xông vào đánh T, thấy vậy K liền lao vào dùng tay, chân đánh và giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S của T đang cầm trên tay trái. Do bị đánh bất ngờ nên T đã bị ngã ra nền nhà rồi vùng dậy chạy lên giường lấy chăn phủ lên người nằm co tròn nhằm tránh sự tấn công của K. Lúc này, B và Đ vẫn đứng bên cạnh K để kịp thời hỗ trợ nếu T đánh lại K. Sau đó, K tiếp tục đi vào bên trong phòng trọ lấy nón bảo hiểm và chùm chìa khóa xe của T để trên máy quạt nước đặt trong phòng ném vào người T nhưng chỉ có nón bảo hiểm là trúng vào bàn chân trái của T. Sau đó, K đưa chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của T cho B cầm, B đưa chiếc điện thoại di động này lại cho Đ cất giữ rồi cả nhóm rời đi. Khi biết nhóm của B đã rời đi, T mượn điện thoại của chị Nguyễn Thị H gọi báo cho anh Trần Văn T (là anh ruột của T) biết. Lúc sau, anh T quay về phòng trọ và chờ T đi vì sợ nhóm của B sẽ tiếp tục quay lại đánh T. Trên đường đi, T và T gặp K đang điều khiển xe mô tô chở B đi nên điều khiển xe đi theo, khi K và B đi đến đoạn đường Nguyễn Thị Minh K thì anh T đã chặn xe của K lại và bảo K trả lại điện thoại di động cho T. Đồng thời, anh T đã gọi điện thoại báo cáo sự việc đến Công an P. Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn để giải quyết.

Ngày 20/10/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám, đã qua sử dụng, trị giá: 500.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an Tp. Quy Nhơn đã tạm giữ và trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S cho Trần Đức T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Đức T đã nhận lại được tài sản của mình nên không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số: 142/CT-VKSQN ngày 30/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ về tội: “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ theo Cáo trạng. Đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo Đỗ Văn B: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Trần Hữu Anh K: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Đoàn Phương Đ: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Đức Thắng đã nhận lại được tài sản của mình, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Các bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ thừa nhận hành vi phạm tội không bào chữa.

- Các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ: Thống nhất tội danh, khung hình phạt, cho rằng các bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, thiếu sự giáo dục từ gia đình, phạm tội lần đầu. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và chế định xử phạt người dưới 18 tuổi phạm tội. Đề nghị áp dụng Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ Luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận: Vào ngày 02/10/2023, tại phòng trọ số 01, địa chỉ 12 Cần V, phường N, Tp. Q, bị cáo Đỗ Văn B đã có hành vi rủ rê bị cáo Trần Hữu Anh K và bị cáo Đoàn Phương Đ cùng nhau đánh và chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, trị giá 500.000 đồng của em Trần Đức T.

Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh. Các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ là người có khả năng nhận thức để điều khiển hành vi của mình nên phải biết cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức xem thường pháp luật, các bị cáo đã có hành vi đánh và chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Iphone 6S của em Trần Đức T. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ về tội: “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Trong vụ án có 03 bị cáo tham gia nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm, nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc đồng phạm giản đơn, xét vai trò của từng bị cáo thì thấy:

- Đối với bị cáo Đỗ Văn B: Bị cáo B và bị hại T không có mâu thuẫn với nhau, khi nghe bị cáo Trần Hữu Anh K kể lại việc nghi ngờ T lấy trộm điện thoại của K, lẽ ra bị cáo phải tìm hiểu, làm rõ sự việc K nghi ngờ nhưng bị cáo còn rủ bị cáo K và Đ đi đánh T để lấy chiếc điện thoại di động của T cho bị cáo K sử dụng. Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo K và Đ đi đánh để chiếm đoạt điện thoại di động của bị hại T, do đó hình phạt của bị cáo phải nghiêm khắc hơn và phải cao hơn so với các bị cáo khác.

- Đối với bị cáo Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ: Khi được bị cáo Đỗ Văn B rủ đi đánh bị hại T để chiếm đoạt điện thoại di động của T các bị cáo không can ngăn mà còn hưởng ứng tích cực với bị cáo B; trong đó: Bị cáo K là người đánh và giật lấy điện thoại của T, còn bị cáo Đ là người cất giữ điện thoại của T nên phải xử phạt tương xứng với hành vi đã gây ra.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung đối với xã hội nên Hội đồng xét xử phải xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm

tội do từng bị cáo gây ra và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

5.1 Về nhân thân: Bị cáo Trần Hữu Anh K và bị cáo Đoàn Phương Đ có nhân thân xấu; bị cáo Đỗ Văn B có nhân thân tốt, trước đây chưa vi phạm gì.

5.2 Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

5.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị hại Trần Đức T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng cho các bị cáo. Các bị cáo đều phạm tội ở độ tuổi dưới 18 tuổi nên áp dụng chính sách người phạm tội dưới 18 tuổi đối với các bị cáo nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Trần Đức T đã nhận lại được tài sản của mình, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo Trần Hữu Anh K và bị cáo Đoàn Phương Đ là trẻ em (người dưới 16 tuổi) nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét lời bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo: Xét thấy, người bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ, các chế định đối với người chưa thành niên phạm tội và đề nghị mức hình phạt có phần nhẹ hơn so với đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Lời bào chữa cho các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ, toàn diện và cân nhắc khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Đỗ Văn B là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[10] Về vấn đề khác: Đối với việc bị cáo Trần Hữu Anh K bị mất chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 64GB của Khôi vào ngày 24/9/2023, tại nhà trọ số 12

Cần V, TP. Q. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định bị cáo K mua lại chiếc điện thoại này trên mạng xã hội đã lâu, bị cáo K không nhớ được đặc điểm và thông tin về chiếc điện thoại nên Cơ quan CSĐT Công an TP. Q không có căn cứ để tiến hành trưng cầu định giá. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với hành vi bị cáo K bị mất điện thoại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự; áp dụng đối với bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106; Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn B, Trần Hữu Anh K, Đoàn Phương Đ đều phạm tội: “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Đỗ Văn B 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2024.

2.2 Xử phạt bị cáo Trần Hữu Anh K 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.3 Xử phạt bị cáo Đoàn Phương Đ 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Trần Hữu Anh K và Đoàn Phương Đ.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp theo pháp luật của các bị cáo, người bào chữa có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ung Quang Định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Bị cáo;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ung Quang Định

